

Bản án số: 123/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26-8-2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tám

2. Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Cao Hoàng là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 602/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1988, có mặt;

Địa chỉ liên lạc: Số 989/45B đường 30/4 phường 12, thành phố V, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn L, sinh năm 1980, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 1216/63/D1 đường 30/4 phường 12, thành phố V, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà Trần Thị T và ông Lê Văn L chung sống vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới và được UBND xã Hoàng Trung, huyện H, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2010 ngày 06/05/2010.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc giai đoạn đầu và sinh được một con chung. Tuy nhiên đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng không có sự gắn bó phai nhạt dần theo thời gian. Xét thấy mục đích hôn

nhân không đạt, không thể duy trì cuộc sống chung nên bà Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn L.

Về con chung: Có 1 con chung là cháu Lê Trần An H, sinh ngày 13/08/2010, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn L:

Tòa án tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông L vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Theo xác nhận của Công an phường 12, thành phố V hiện nay ông L có thực tế cư trú tại số 1216/63/D1 đường 30/4 phường 12, thành phố V, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí nguyên đơn phải nộp toàn bộ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đang cư trú tại thành phố V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông L tự nguyện chung sống từ năm 2009, có đăng ký kết hôn đã được UBND xã Hoàng Trung, huyện H, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyền số 01/2010 ngày 06/05/2010. Qua thời gian chung sống giữa hai ông bà phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, mặc dù bà T cố gắng duy trì tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng không đạt kết quả dẫn đến cả hai tự sống ly thân. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có phân tích

động viên bà T trở về đoàn tụ nhưng bà T vẫn cương quyết ly hôn. Phía ông L vắng mặt và không gửi văn bản ý kiến nên Hội đồng xét xử không xác định được quan điểm, nguyện vọng của ông L để bà T thay đổi ý định ly hôn. Như vậy cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông L đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau để cùng tiến bộ. Vì vậy yêu cầu của bà T xin ly hôn là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 1 con là cháu Lê Trần An H, sinh ngày 13/08/2010. Theo nguyện vọng của con yêu cầu sống với mẹ nên bà T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên công nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do bà T là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. ông L không phải chịu án phí.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với ông Lê Văn L về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Lê Văn L.

2. Về con chung: Có 01 con là cháu Lê Trần An H, sinh ngày 13/08/2010. Bà Trần Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Công nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị T về việc không yêu cầu ông Lê Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002637 ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh B. Như vậy, bà Trần Thị T đã nộp xong án phí. Ông Lê Văn L không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND TP. V;
- Chi cục THA Dân sự TP V;
- UBND x Hoằng Trung, huyện H, tỉnh T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Yến Oanh

